

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 05 - 2024
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 05 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh C chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2012, vợ chồng làm ăn sinh sống tại ấp B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020, trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng nhau về quan hệ làm kinh tế gia đình, anh C gây nợ và bỏ nhà đi từ năm 2020 đến nay. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2020 đến nay.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 08/6/2007; Nguyễn Đức K, sinh năm 04/7/2013. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị X.

Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Chị X yêu cầu được ly hôn với anh C, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị X xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (vắng mặt), nên vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 29/02/2024 chị X nộp đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đến nơi cư trú của anh C để tiến hành lấy lời khai nhưng anh C không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai anh C được. Ngày 28/03/2024 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị X theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Nguyễn Văn c chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2012 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng về mối quan hệ làm ăn kinh tế và không tự dàn xếp được, từ đó anh chị ly thân nhau từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy giữa chị **X** và anh **C** đã ly thân nhau trong một thời gian dài, hai người không có biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa chị **X** và anh **C** không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **X** và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị **X** được ly hôn với anh **C**.

[3] Về quan hệ con chung: Chị **Nguyễn Thị Mỹ X** xác định, chị **X** và anh **C** có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh ngày 08/6/2007; **Nguyễn Đức K**, sinh năm 04/7/2013. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị **X**. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 21/02/2024 của cháu **L** và cháu **K** thì cháu **L** và cháu **K** có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị **X**. Xét thấy, theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai của chị **X**, chị **X** đều yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh ngày 08/6/2007; **Nguyễn Đức K**, sinh năm 04/7/2013. Lời trình bày của chị **X** phù hợp với nguyện vọng của cháu **L** và cháu **K** nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu **L** và cháu **K** cho chị **X** tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **X** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Mỹ X** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Mỹ X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Mỹ X**.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị Mỹ X** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn C**.

- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh ngày 08/6/2007; **Nguyễn Đức K**, sinh năm 04/7/2013 cho chị **X** tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ X xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu số: 0003410 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị X đã nộp xong.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

Trần Văn Tới

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

